



SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 17941
	Giờ..... Ngày 23 tháng 5 năm 11

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN **ĐẠI THIÊN LỘC**

Bình Dương
Tháng 4 năm 2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2011

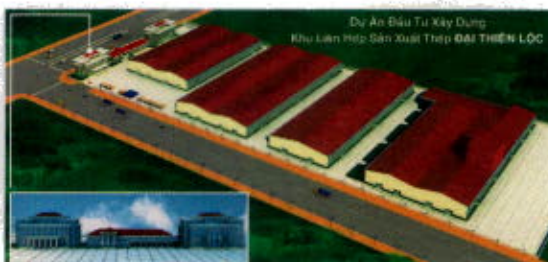
1. TÓM LƯỢC VỀ CÔNG TY, MỤC TIÊU VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

1.1 Giới thiệu về Công ty

- Tên doanh nghiệp **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC**
- Tên tiếng anh **DAI THIEN LOC CORPORATION**
- Tên viết tắt **DTLS**
- Trụ sở chính **Lô A, đường 22, KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương**
- Điện thoại **0650. 3732 981/82**
- Fax **0650. 3732 980/83**
- Website **www.daithienloc.com.vn**
- E-mail **daithienloc@hcm.vnn.vn**
- Ngành nghề KD chính **Sản xuất thép lá cán nguội, thép lá mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm - kẽm, thép lá mạ màu, ống thép, xà gồ thép; Mua bán sắt thép các loại; ...**
- Vốn điều lệ hiện tại **484.974.700.000 VNĐ**



Trụ sở chính Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại KCN Sóng Thần 2, huyện Dĩ An, Bình Dương



Toàn cảnh Dự án đầu tư xây dựng Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc tại KCN Sóng Thần 3, Bình Dương (diện tích đất 105.285m²)



Thép lá mạ kẽm dạng cuộn



Dập cán sóng tôn



Thép lá mạ màu dạng cuộn

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Ngày 11/07/2001

Thành lập Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc (Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4602000250 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/07/2001). Với số vốn điều lệ ban đầu là 6 tỷ đồng và đội ngũ nhân viên 30 người, công ty chuyên kinh doanh thép cán nóng, cán nguội; thép lá mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm-kẽm, mạ màu; thép tấm; thép hình; xà gồ thép; thép xây dựng v.v...

Tháng 3/2003	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng liên tục có công suất 60.000 tấn/năm (DC thứ nhất) tại KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương <i>Sản phẩm tôn kẽm Đại Thiên Lộc có chất lượng ổn định, giá cả cạnh tranh nên được khách hàng ưa chuộng. Đơn đặt mua hàng không ngừng gia tăng. Dây chuyền mạ kẽm chạy 100% công suất vẫn không sản xuất đủ lượng hàng cung cấp cho thị trường nên công ty quyết định tăng vốn và đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước</i>
Ngày 12/04/2007	Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc (Giấy Chứng nhận ĐKKD số 4603000334 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu ngày 12/04/2007) <i>Thực sự hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ tháng 01/06/2007</i>
Tháng 6/2008	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ màu liên tục với công suất 45.000 tấn/năm (DC thứ nhất) tại KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương
Ngày 22/12/2008	Thành lập 3 công ty con chuyên sản xuất và kinh doanh thép
Ngày 23/12/2008	Thành lập Khu liên hợp Sản xuất Thép Đại Thiên Lộc tại KCN Sóng Thần 3, tỉnh Bình Dương với diện tích đất 105.285m ² (Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 23/12/2008) <i>Năm 2008 xảy ra khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kéo dài đến tận cuối năm 2009. Trong khoảng thời gian này, công ty đầu tư nhỏ giọt nên tiến độ thực hiện Dự án chậm so với kế hoạch. Sang đầu năm 2010, khi nền kinh tế dần dần hồi phục thì công ty mới đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án</i>
Ngày 04/06/2010	Niêm yết 38,8 triệu cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM
Tháng 8/2010	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng liên tục có công suất 60.000 tấn/năm (DC thứ hai)
Tháng 10/2010	Lắp đặt và đưa vào hoạt động dây chuyền xả băng, công suất 60.000 tấn/năm
Tháng 11/2010	Lắp đặt và đưa vào hoạt động 04 dây chuyền sản xuất ống thép với tổng công suất 30.000 tấn/năm



Dây chuyền tẩy rửa



Dây chuyền thép lá cán nguội



Dây chuyền mạ kẽm

Dây chuyền mạ màu

1.3 Tăng trưởng

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010
Doanh thu	524.001.225.615	1.202.069.896.107	1.532.329.387.250	1.808.680.068.859
Lợi nhuận	29.285.714.729	66.291.013.339	133.792.146.685	187.615.168.530

1.4 Quá trình tăng vốn điều lệ (kể từ khi Công ty hoạt động theo hình thức cổ phần)

Thời gian		Vốn điều lệ (VNĐ)	Giá trị tăng (VNĐ)
12/04/2007	Khi thành lập	99.000.000.000	
31/03/2008	Tăng đợt 1	152.000.000.000	53.000.000.000
25/07/2008 - 10/08/2008	Tăng đợt 2	192.000.000.000	40.000.000.000
10/11/2008 - 15/11/2008	Tăng đợt 3	230.000.000.000	38.000.000.000
16/12/2008 - 31/12/2008	Tăng đợt 4	253.000.000.000	23.000.000.000
31/07/2009	Tăng đợt 5	350.000.000.000	97.000.000.000
11/09/2009 - 30/09/2009	Tăng đợt 6	388.000.000.000	38.000.000.000
24/06/2010	Tăng đợt 7	484.974.700.000	96.974.700.000

Ngày 30/07/2010, **phát hành trái phiếu chuyển đổi (100 tỷ đồng)** để huy động thêm nguồn vốn thực hiện Dự án đầu tư tại KCN Sóng Thần 3

1.5 Bằng khen, giải thưởng, danh hiệu

- Huân chương lao động hạng 3 (quyết định số 348/QĐ-CTN do Chủ tịch nước ký ngày 17/03/2011)
- Bằng khen và Cờ thi đua của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương vì đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động SXKD, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Bình Dương (2 năm: 2009 và 2010)
- Bằng khen của Ủy ban Nhân dân Tp.HCM vì đã có nhiều thành tích trong công tác tham gia đóng góp chương trình xã hội - từ thiện vì cộng đồng năm 2009 - 2010
- Thương hiệu nổi tiếng quốc gia năm 2010
- Doanh nhân xuất sắc đất Việt năm 2010
- Bảng vàng ghi danh tại Đại lễ 1000 năm Thăng Long, Hà Nội
- Top 100 Sao vàng Đất Việt (2 năm: 2008 và 2010)
- Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (3 năm: 2008, 2009 và 2010)
- Danh hiệu Doanh nghiệp Việt Nam vàng 2009 do Bộ Công thương và Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam trao tặng ngày 06/08/2010
- Cúp vàng Vietbuild (5 năm: 2006, 2007, 2008, 2009 và 2010)
- Doanh nghiệp tiêu biểu 3 nước Việt Nam - Lào - Campuchia do Bộ trưởng Công thương 3 nước ký ngày 18/01/2009
- Chứng nhận Top 100 sản phẩm tiêu biểu ứng dụng khoa học & công nghệ năm 2008 do Bộ Khoa học và Công nghệ ký ngày 12/1/2009
- Bằng khen của Ủy ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế vì đã có thành tích xuất sắc trong xây dựng, phát triển thương hiệu và tham gia hội nhập kinh tế quốc tế ký ngày 01/09/2008

- Bằng khen của Ủy ban trung ương Hội các nhà Doanh nghiệp trẻ Việt Nam vì đã có thành tích phát triển thương hiệu và sản phẩm trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế ký ngày 24/07/2008
- Giấy khen của Công an tỉnh Bình Dương vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc năm 2007 ký ngày 11/01/2008
- Giấy khen của Cục Hải quan Bình Dương vì đã có thành tích hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế xuất nhập khẩu và chấp hành tốt pháp luật Hải quan (2 năm 2007 và 2008)
- Siêu cúp “Thương hiệu mạnh phát triển bền vững” do Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam và Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam trao tặng ngày 23/05/2007
- Cúp vàng “Thương hiệu Việt” do Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam trao tặng ngày 04/01/2007.
- Cúp vàng “Sản phẩm Việt uy tín chất lượng” có dấu hiệu hợp chuẩn WTO, do Tạp chí thi đua khen thưởng TW, Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam đồng trao tặng ngày 31/12/2006
- Giải “Quả cầu vàng” chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn do Liên hiệp các hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam trao tặng ngày 23/05/2006

1.6 Định hướng phát triển

a) Nhận định, đánh giá về tình hình chung của ngành thép

Cùng với sự phát triển kinh tế, nhu cầu sử dụng **thép dẹt** tại Việt Nam và các nước đang phát triển như Asean, Tây Á, Bắc Á, Châu Phi, Nam Mỹ ... gia tăng rất đáng kể. Theo đó triển vọng phát triển ngành **thép dẹt**, thép lá tráng phủ kim loại (tôn mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm kẽm), phủ sơn màu (tôn mạ màu), ống thép, xà gồ thép ... là rất lớn

Tại Quyết định số 145/2007/QĐ-TTg ngày 04/09/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Thép Việt Nam giai đoạn 2007 - 2015, có xét đến năm 2025 với các nội dung chủ yếu như sau:

- *Xây dựng và phát triển ngành Thép Việt Nam thành một ngành công nghiệp quan trọng, bảo đảm phát triển ổn định và bền vững, giảm thiểu sự mất cân đối giữa sản xuất gang, phôi thép với sản xuất thép thành phẩm, giữa sản phẩm thép dài với sản phẩm **thép dẹt**.*
- *Khuyến khích các thành phần kinh tế, các ngành kinh tế trong nước ... đầu tư xây dựng ... nhà máy thép liên hợp và nhà máy cán các sản phẩm **thép dẹt** quy mô lớn.*

Vì vậy, Công ty CP Đại Thiên Lộc đã mạnh dạn đầu tư xây dựng Khu liên hợp sản xuất thép ĐẠI THIÊN LỘC trên khuôn viên đất 105.285 m² tại KCN Sóng Thần 3, Tân Uyên, Bình Dương để mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu sử dụng thép trong nước và tiến đến xuất khẩu...

b) Nguồn lực hiện có của công ty

- Vốn điều lệ hơn **484,97** tỷ đồng, thặng dư vốn trên **151,23** tỷ đồng ; có uy tín và được các tổ chức tín dụng, ngân hàng hỗ trợ cho vay vốn ...
- Có các dây chuyền đã đưa vào hoạt động gồm: 02 dây chuyền mạ kẽm (công suất 120.000 tấn/năm) ; 01 dây chuyền mạ màu (công suất 45.000 tấn/năm) ; 02 dây chuyền xà băng công suất 60.000 tấn/năm ; 04 dây chuyền sản xuất ống thép (công suất 30.000 tấn/năm) ... đều đang hoạt động ổn định và đạt công suất tối đa. Chất lượng sản phẩm tốt, giá bán hợp lý, khả năng cạnh tranh cao so với đối thủ...
- Các dây chuyền đang tiến hành lắp ráp gồm: 01 dây chuyền tẩy rửa (công suất 600.000 tấn/năm; 02 dây chuyền thép lá cán nguội đảo chiều 12 trục (công suất 200.000 tấn/năm) ; 01 dây chuyền nắn phẳng tôn; 01 dây chuyền mạ hợp kim nhôm

kẽm (công suất 150.000 tấn/năm); 01 dây chuyền mạ màu (công suất 85.000 tấn/năm)... dự kiến đưa vào hoạt động từ cuối quý 2/2011.

- Có hệ thống phân phối sản phẩm tốt: công ty hiện có 6 chi nhánh và trên 500 đại lý phân phối sản phẩm rộng khắp trong cả nước, từ miền Bắc, miền Trung, miền Đông Nam bộ, miền Tây Nam bộ, khu vực Tây nguyên. Ngoài thị trường truyền thống là các nước ASEAN, trong năm 2010 công ty đã mở rộng xuất khẩu sang các nước ở châu Á, châu Phi và Nam Mỹ như: Bangladesh, Ấn độ, Srilanca, Benin, Congo, Gambia, Liberia, Senegal, Siera Leone, Sudan, Colombia, Peru ...
- Có được sự đồng thuận và nhất trí cao trong Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và nhân viên ; Có đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm trong ngành tôn, thép...

c) Mục tiêu chiến lược

Với nguồn lực hiện có của công ty và sự nhận định, đánh giá về tình hình chung của ngành thép, Đại Thiên Lộc đề ra 3 mục tiêu lớn như sau

- Một là, nâng cao năng lực sản xuất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả và sức cạnh tranh, bảo đảm mức tăng trưởng cao và bền vững ;
- Hai là, xây dựng hệ thống quản lý một cách toàn diện, phát huy những lợi thế có sẵn và hạn chế các mặt yếu kém còn tồn tại ;
- Ba là, xây dựng và phát triển thương hiệu, mở rộng thị trường, đáp ứng nhu cầu trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu, khẳng định vị thế của Đại Thiên Lộc trên thương trường Việt Nam và quốc tế

2. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2010, kinh tế nước ta có dấu hiệu phục hồi và đạt mức tăng trưởng 6,78%, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn như lạm phát vượt quá 2 con số (11,75%), lãi suất tăng mạnh (hơn 18%/năm), ngoại tệ khan hiếm, tỷ giá cao (trên 21.000 đồng/USD), giá cả sắt thép có nhiều biến động, khó lường ...

Trước tình hình đó, Hội đồng Quản trị tích cực phối hợp với Ban Tổng Giám đốc quan sát, nhận định về diễn biến giá cả, thị trường để từ đó đưa ra giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh một cách linh hoạt, thích ứng trong từng thời kỳ nhằm mang lại hiệu quả cao nhất

Mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với sự quyết tâm và đồng thuận của Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và toàn thể nhân viên đã đưa công ty vượt qua nhiều trở ngại để thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Năm 2010 công ty đạt mức **tăng trưởng cao hơn** so với năm 2009 và so với các công ty khác cùng ngành nghề.

2.1 Kết quả SXKD năm 2010

Chi tiêu	2010	So với năm 2009	
Doanh thu (VNĐ)	1.808.680.068.859	1.532.329.387.250	Tăng 18 %
Trong đó xuất khẩu (USD)	26.366.491	13.097.886	Tăng 101 %
Lợi nhuận sau thuế (VNĐ)	187.615.168.530	133.792.146.685	Tăng 40 %
Vốn điều lệ (VNĐ)	484.974.700.000	388.000.000.000	Tăng 25 %
Tỷ lệ lợi nhuận/vốn	38,69 %	34,48%	Tăng 12 %
Tỷ lệ Cổ tức	30 %	30 %	

So với kế hoạch, doanh thu năm 2010 đạt 90,43%, lợi nhuận đạt 75% là vì năm 2010 kinh tế khó khăn, thị trường sắt thép ảm đạm, mãi lực yếu, giá cả biến động khó lường.

Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc

Từ tháng 5/2010 giá thép biến động giảm và kéo dài cho đến cuối năm, sức tiêu thụ chậm nên doanh thu và lợi nhuận không cao như mong muốn. Bên cạnh đó, nguồn vốn SXKD và đầu tư chủ yếu vay ngân hàng và cá nhân nên công ty phải trả lãi vay rất lớn với số tiền lên đến 79.659.277.265 đồng.

2.2 Về sản xuất

- Sản lượng tôn kẽm : 16.709.507 m²
- Sản lượng tôn màu : 7.565.560 m²
- Sản lượng Ống thép chưa đáng kể vì các dây chuyền ống thép mới đưa vào hoạt động từ cuối năm 2010

Sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ứng dụng công nghệ

Đội ngũ cán bộ kỹ thuật của công ty không ngừng học hỏi, tiếp cận công nghệ tiên tiến để cải tiến sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh. Một số kết quả cụ thể như sau:

- Tự thiết kế, chế tạo thành công 01 dây chuyền mạ kẽm liên tục với công suất 60.000 tấn/năm và 01 dây chuyền mạ màu liên tục với công suất 45.000 tấn/năm
- Tự thiết kế chương trình điều khiển tự động (PLC) cho dây chuyền mạ kẽm, mạ màu
- Tự thiết kế, chế tạo hệ thống chỉnh tâm CPC (Center Position Control), hệ thống chỉnh biên EPC (Edge Position Control) của dây chuyền mạ kẽm, mạ màu
- Thay đổi công nghệ, nhiên liệu chất đốt, sử dụng khí nén thiên nhiên CNG (Compressed Natural Gas) thay thế gas hóa lỏng LPG (Liquified Petroleum Gas). Lợi thế của khí CNG là giá thành rẻ hơn nhiều so với LPG. Đây là nhiên liệu rẻ, sạch và giảm thiểu ô nhiễm môi trường

2.3 Về kinh doanh -XNK

Công ty xây dựng cơ chế liên lạc thường xuyên với khách hàng để nắm bắt nhu cầu của thị trường, từ đó hoạch định chiến lược kinh doanh linh hoạt, thích ứng trong từng thời kỳ. Phương châm của Đại Thiên Lộc là “ *Hàng hóa phong phú – Chất lượng ổn định – Giá cả cạnh tranh – Phục vụ tận tình* ” nên Đại Thiên Lộc có ưu thế cạnh tranh vượt trội so với các đối thủ cùng ngành.

a) Kinh doanh nội địa

- Doanh thu nội địa năm 2010 đạt 1.305.885.517.709 đồng, tăng 3 % so với năm 2009.
- Cơ cấu doanh thu nội địa: Miền bắc 18%; miền Trung 6%; Tây nguyên 6%; miền Đông nam bộ 17%; Tp.HCM 35%; miền Tây nam bộ 18%
- Tổng lượng sản phẩm tiêu thụ nội địa là 82.226 tấn, trong đó: tôn lạnh 16,709 tấn (24,9%), tôn mạ kẽm 15,725 tấn (20,9%), tôn mạ màu 13,426 tấn (19,47%), thép cán nóng 23,421 tấn (21,37%), thép cán nguội 7,895 tấn (8,87%), xà gỗ thép các loại 4,950 tấn (4,4%), các loại khác 100 tấn (0,09%)

b) Xuất khẩu

- Kim ngạch xuất khẩu năm 2010 đạt 26.366.491 USD, tăng 101% so với năm 2009.
- Công ty xuất khẩu 5 nhóm mặt hàng gồm: tôn mạ kẽm, thép cán nóng, cán nguội, tôn mạ màu, tôn lạnh. Nhưng sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là tôn mạ kẽm (chiếm hơn 45% tổng kim ngạch)
- Tổng lượng xuất khẩu đạt 30,217 tấn sản phẩm.
- Thị trường xuất khẩu truyền thống vẫn là các nước ASEAN, chiếm hơn 64,75% doanh thu, trong đó Campuchia: 24,04%, Malaysia: 16,9%, Lào: 11,44% ... Trong

Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc

năm 2010, công ty có mở rộng xuất khẩu thêm một số nước ở châu Á, châu Phi và Nam Mỹ như: Bangladesh, Ấn độ, Srilanca, Benin, Congo, Gambia, Liberia, Senegal, Siera Leone, Sudan, Colombia, Peru ...

- Cơ cấu doanh thu xuất khẩu: các nước châu Á: 26.254 tấn (86,89%), châu Phi: 3.474 tấn (11,5%), Nam Mỹ: 488 tấn (1,62%)

2.4 Quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại

a) Quảng bá thương hiệu

Trong nội bộ

- In Logo, thương hiệu trên tất cả các biểu mẫu như : Phiếu báo giá, phiếu nhập-xuất kho, hóa đơn GTGT tự phát hành, giấy giới thiệu, giấy tiêu đề, bao thư, danh thiếp v.v...
- Trang phục công sở : tất cả CBCNV công ty khi đi làm đều mặc đồng phục có thêu logo Đại Thiên Lộc
- Bảng hiệu công ty, các chi nhánh

Ra bên ngoài

- In Brochure, tờ rơi, poster, quảng cáo trên báo, truyền hình ...
- Đặt các bảng quảng cáo ngoài trời, bảng hiệu đại lý ...
- Dán logo các xe của công ty ...
- Tặng phẩm: Bộ bình trà, bình cắm hoa, đồng hồ, bút bi, áo đi mưa ... có in thương hiệu Đại Thiên Lộc

b) Xúc tiến thương mại

- Tham gia các chương trình giao thương, triển lãm, hội chợ trong và ngoài nước như : Hội chợ Vietbuild ; Hội chợ hàng Việt Nam chất lượng cao và XNK tổ chức tại Phnôm Pênh (Campuchia); Hội chợ Thương mại Quốc tế Việt - Lào tổ chức tại Vientian (Lào); Hội chợ Thương mại Quốc tế Việt Nam – Myanmar tổ chức tại Yangon (Myanmar)

2.5 Thực hiện Dự án đầu tư vào KCN Sóng Thần 3, BD

Tiến độ thực hiện hiện dự án chậm hơn so với kế hoạch là do một số yếu tố khách quan như:

- Về phía nhà cung cấp nước ngoài, hợp đồng ký kết với Đại Thiên Lộc giá thấp, đến khi thực hiện thì giá cả nguyên liệu sắt thép, thiết bị tăng rất cao, họ bị lỗ nặng nên trì hoãn, kéo dài thời gian giao thiết bị. Ban Tổng Giám đốc công ty Đại Thiên Lộc đã nhiều lần trực tiếp đàm phán, thương lượng, họ cam kết sẽ giao thiết bị đúng tiến độ theo thỏa thuận giữa hai bên ...
- Về phía Đại Thiên Lộc cũng gặp phải khó khăn như lãi suất tăng, ngoại tệ hiếm, tỷ giá cao nên cũng kéo dài thời hạn thanh toán .. Việc chậm thanh toán có lợi cho Đại Thiên Lộc, không bị áp lực tài chính và có thêm thời gian lắp máy ...
- Công việc lắp máy do công ty tự làm, không thuê đơn vị lắp máy chuyên nghiệp. Tiến độ lắp máy tuy không nhanh nhưng có nhiều cái lợi: một là được chuyên gia nước ngoài chỉ dẫn, giám sát thì công nhân học hỏi được kỹ thuật, công nghệ để nâng cao tay nghề, hai là thuận lợi cho công tác bảo trì, sửa chữa về sau, ba là tiết kiệm chi phí ...
- Tính đến nay, tổng chi phí thực hiện dự án là 351 tỷ đồng, trong đó tiền đất 54 tỷ đồng, chi phí sản phẩm công trình, dây chuyền thiết bị 297 tỷ đồng.
- Tình hình thực hiện như sau:

a) Về xây dựng

Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc

- Tính đến nay, công ty đã thi công, lắp dựng **62.929m² nhà xưởng** và nhiều công trình phụ, trong đó Xưởng X3: 22.854m², Xưởng X2: 17.820m², Xưởng X4: 14.040m², Xưởng X1+X5: 8.215m²
- Hiện tại, công ty đang tiến hành thi công nền móng **tòa nhà văn phòng 5 tầng** với diện tích **4.000m²**
- Sắt thép dùng trong xây dựng (bê tông, cốt thép) và Kết cấu khung thép nhà xưởng được chọn lựa kỹ, là loại thép cường độ cao, mác thép đúng tiêu chuẩn, chất lượng rất tốt do công ty nhập khẩu từ lúc trước để dành xây dựng nhà xưởng, giá nhập khẩu rất thấp so với giá thép tại thời điểm xây dựng. Thiết bị gắn liền nhà xưởng như hệ thống cầu trục v.v... công ty cũng nhập khẩu với giá cả hợp lý
- Công ty chỉ thuê đơn vị tư vấn, thiết kế, giám sát, còn vật tư, sắt thép do công ty cung cấp nên công trình nhà xưởng Đại Thiên Lộc có chất lượng cao nhưng chi phí thấp hơn khoảng 50% so với giá cả thị trường tại thời điểm thi công

b) Về lắp ráp dây chuyền thiết bị

Đã lắp ráp hoàn chỉnh và đưa vào hoạt động:

- 01 dây chuyền mạ kẽm (công suất 60.000 tấn/năm) ;
- 01 dây chuyền xả băng, công suất (60.000 tấn/năm);
- 04 dây chuyền sản xuất ống thép (công suất 30.000 tấn/năm) ...

Tiến độ lắp ráp các dây chuyền khác

- 01 dây chuyền thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm thứ nhất (công suất 150.000 tấn/năm), đã lắp ráp 85% thiết bị, dự kiến sẽ hoàn chỉnh và đưa vào hoạt động từ cuối quý 2 năm 2011
- 01 dây chuyền mạ màu (công suất 85.000 tấn/năm), đã lắp ráp 90% thiết bị, dự kiến sẽ hoàn chỉnh và đưa vào hoạt động từ cuối quý 2 năm 2011
- 02 dây chuyền thép lá cán nguội 12 trục (tổng công suất 200.000 tấn/năm), đã hoàn tất thi công phần nền móng, đã lắp đặt thân và bộ máy của 2 dây chuyền
- 01 dây chuyền tẩy rửa (công suất 600.000 tấn/năm), đã hoàn tất thi công phần nền móng, đang tiến hành lắp ráp một số thiết bị, dự kiến sẽ hoàn chỉnh và đưa vào hoạt động từ quý 3 năm 2011
- 01 dây chuyền nắn phẳng tôn, đã hoàn tất thi công phần nền móng, đang tiến hành lắp ráp thiết bị, dự kiến sẽ hoàn chỉnh và đưa vào hoạt động từ quý 2 năm 2011
- 01 dây chuyền thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm thứ hai (công suất 120.000 tấn/năm), đang triển khai kế hoạch thi công phần nền móng,

Tổng kết hoạt động năm 2010, HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được Đại hội đồng Cổ đông giao phó, đã hoạt động vì lợi ích của cổ đông

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn tồn tại một số vấn đề như :

- Nguồn vốn chủ sở hữu không đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô SXKD
- Nguồn nhân lực thiếu hụt so với đà phát triển của công ty
- Công tác tổ chức, quản lý chưa phát huy tính hiệu quả.
- Công tác cập nhật số liệu, lập báo cáo tài chính và kiểm toán còn chậm
- Công tác xây dựng và quảng bá thương hiệu còn hạn chế ...

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2011

Tình hình chung

- Năm 2011 Kinh tế thế giới sẽ có những diễn biến xấu. Lạm phát tăng cao diễn ra ở nhiều nước, kể cả các nước trong khu vực. Giá dầu mỏ, lương thực và một số nguyên vật liệu cơ bản còn tăng. Thiên tai, biến đổi khí hậu và những diễn biến mới của tình hình Trung Đông, Bắc Phi tác động xấu đối với nền kinh tế thế giới. Thị

trường tài chính toàn cầu tiếp tục có mặt còn thiếu ổn định, thậm chí đã có những cảnh báo về nguy cơ tái khủng hoảng.

- Kinh tế nước ta vẫn sẽ phải đối mặt với bài toán lạm phát, lãi suất tăng, tỷ giá cao. Giá xăng dầu, giá gas, giá điện, giá vật tư, nguyên liệu, giá nhân công đều sẽ tăng đáng kể ... Mãi lực có thể sẽ giảm, vấn đề bảo đảm tỷ suất lợi nhuận sẽ là một bài toán hóc búa ... Tóm lại, dự báo năm 2011 sẽ là một năm có nhiều khó khăn ...

Tuy nhiên, Đại Thiên Lộc cũng có những thuận lợi riêng như

- Có sự đồng thuận và nhất trí cao giữa Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và nhân viên
- Với chi phí đầu tư thấp, các dây chuyền thép lá cán nguội, thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm, thép lá mạ màu (dự kiến đưa vào hoạt động từ cuối quý 2/2011) sẽ góp phần gia tăng sản lượng, doanh thu và lợi nhuận.
- Có lượng hàng tồn kho lớn với giá vốn rẻ so với giá thị trường hiện tại nên việc kinh doanh sẽ thuận lợi hơn. Nếu giá cả sắt thép biến động tăng thì công ty sẽ có lợi lớn, đặc biệt khi tỷ giá tăng cao thì công ty sẽ được hưởng lợi nhiều hơn đối với hàng xuất khẩu
- Chỉ tính quý 1 năm 2011, công ty đã đạt doanh thu: **711.330.551.015** đồng, lợi nhuận sau thuế: **92.275.407.892** đồng

Trên cơ sở đó, Đại Thiên Lộc tin tưởng rằng năm nay có thể đạt doanh thu, lợi nhuận cao hơn năm trước, đáp ứng được kỳ vọng của Quý vị cổ đông, nhà đầu tư. Với niềm tin đó, Hội đồng Quản trị đề ra kế hoạch năm 2011 như sau

2.6 Kế hoạch kinh doanh năm 2011

Doanh thu	2.368 tỷ đồng
Trong đó xuất khẩu	30 triệu USD
Lợi nhuận sau thuế	238 tỷ đồng
Tỷ lệ Cổ tức	30% - 40%

2.7 Các biện pháp thực hiện

- Cùng cố bộ máy tổ chức, điều hành công ty.
- Tái cấu trúc công ty cho phù hợp với đà phát triển ngày càng lớn. Thành lập một số tiểu ban giúp việc cho Hội đồng Quản trị ; thay đổi tên gọi, chức năng nhiệm vụ và sắp xếp lại một số phòng ban trong công ty để hoạt động theo kịp đà phát triển của công ty.
- Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy chế quản lý các hoạt động của công ty, xây dựng quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và thông tin quản lý.
- Tin học hóa hệ thống quản lý ; ứng dụng phần mềm quản lý nguồn lực của doanh nghiệp (ERP) để chuẩn hóa quy trình quản lý, khai thác sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực của công ty.
- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án đầu tư tại ST3, sớm đưa các dây chuyền đi vào sản xuất.
- Tuyển dụng nhiều cán bộ kỹ thuật có trình độ, có kinh nghiệm để tiếp nhận chuyển giao từ phía nước ngoài, vận hành và kiểm soát tốt các dây chuyền sản xuất
- Cải thiện môi trường làm việc, chế độ đãi ngộ để thu hút nguồn nhân lực trình độ cao, đóng góp tích cực cho Cty.
- Tăng cường công tác kiểm soát chi phí sản xuất, lưu thông để giảm giá thành sản phẩm, đầu tư ... đồng thời coi trọng chất lượng sản phẩm nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh,
- Xây dựng kế hoạch quảng bá thương hiệu, mở rộng thị trường như : xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu, tăng cường quảng cáo bằng nhiều hình thức, thành lập

Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc

các chi nhánh, văn phòng giao dịch trong và ngoài nước, tham gia các chương trình giao thương, xúc tiến thương mại, tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước...

3. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

3.1 Báo cáo tình hình tài chính

a) Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán

Chỉ tiêu	ĐVT	2010	2009
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	80,88	90,98
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	19,12	9,02
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng tài sản	%	60,01	54,58
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	150,09	120,19
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,36	1,70
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ lệ lợi nhuận trên vốn cổ phần (ROE)	%	23,85	18,23
Tỷ lệ lợi nhuận trên tài sản (ROA)	%	9,54	8,28
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	đồng	3.869	3.190

b) Phân tích các chỉ số

- Cơ cấu tài sản năm 2010 thay đổi so với năm 2009 do lượng hàng tồn kho tăng.
- Cơ cấu nguồn vốn của Công ty có thay đổi, hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu năm 2010 tăng so với năm 2009 do khoản vay và nợ ngắn hạn tăng 1,84 lần (dù khoản phải trả người bán giảm đáng kể) do công ty vay nợ để dự trữ hàng tồn kho.
- Khả năng thanh toán năm 2010 của Công ty giảm do khoản vay nợ ngắn hạn tăng
- Tuy nhiên, hiệu quả kinh doanh của Công ty vẫn tốt với tỷ suất sinh lời năm 2010 tăng, trong đó lãi cơ bản trên cổ phiếu tăng 1,21 lần so với năm 2009.

c) Phân tích những biến động – những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động:

Nguyên nhân không đạt được kế hoạch lợi nhuận do ảnh hưởng của các yếu tố sau:

- Trong năm 2010, mặc dù kinh tế nước ta có dấu hiệu phục hồi và đạt mức tăng trưởng 6,78%, nhưng vẫn còn nhiều khó khăn như lạm phát vượt quá 2 con số (11,75%), lãi suất tăng mạnh (hơn 18%/năm), ngoại tệ khan hiếm, tỷ giá cao (trên 21.000 đồng/USD), thị trường sắt thép trong nước ảm đạm, giá cả sắt thép có nhiều biến động, khó lường ...

d) Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2010: 16.221 đồng/cổ phiếu

e) Tổng số cổ phiếu theo từng loại: 48.497.470 cổ phiếu thường

f) Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại: 100.000 trái phiếu có thể chuyển đổi với tổng mệnh giá là 100 tỷ đồng.

g) Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: 48.497.470 cổ phiếu phổ thông

h) Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại (nếu có): Không có

3.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

a) Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2010

Chỉ tiêu so sánh	Thực hiện		% tăng giảm so năm 2009
	2010	2009	
Tài sản ngắn hạn	1.590.843.803.713	1.340.776.135.240	tăng 18 %
Tài sản dài hạn	376.143.056.870	132.969.805.418	tăng 282 %
Tổng doanh thu	1.808.680.068.859	1.532.329.387.250	tăng 18 %
Lợi nhuận sau thuế	187.615.168.530	133.792.146.685	tăng 40 %

b) Đánh giá kết quả đạt được

- Mặc dù kết quả sản xuất kinh doanh năm 2010 chưa cao như mong muốn, không đạt chỉ tiêu kế hoạch nhưng Đại Thiên Lộc vẫn đạt mức tăng trưởng cao so với năm 2009, cụ thể là doanh thu tăng 18%, lợi nhuận sau thuế tăng 40%, tỷ lệ lợi nhuận trên vốn tăng 12%...

c) Những tiến bộ Công ty đã đạt được

- Từ năm 2008 cho đến nay, vượt qua nhiều khó khăn, thách thức của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc đã chứng minh năng lực và tiềm năng phát triển của mình bằng những kết quả cụ thể như: doanh thu, lợi nhuận, tỷ lệ lợi nhuận trên vốn liên tục gia tăng, năm sau cao hơn năm trước.
- Năm 2009 và 2010, trong bối cảnh kinh tế thế giới và nước ta vẫn còn nhiều khó khăn, Đại Thiên Lộc vẫn tiếp tục đầu tư mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Các dây chuyền thiết bị lắp ráp tại Khu liên hợp sản xuất thép Đại Thiên Lộc ở KCN Sóng Thần 3, Bình Dương đang tiến hành thuận lợi và dự kiến đưa vào sản xuất từ cuối quý 2/2011 gồm: 03 dây chuyền thép lá cán nguội (tổng công suất 400.000 tấn/năm) ; 02 dây chuyền thép lá mạ hợp kim nhôm kẽm (tổng công suất 270.000 tấn/năm) ; 01 dây chuyền thép lá mạ kẽm (tổng công suất 60.000 tấn/năm) ; 01 dây chuyền thép lá mạ màu (công suất 85.000 tấn/năm) ... cùng với các dây chuyền hiện hữu sẽ góp phần gia tăng sản lượng, doanh thu và lợi nhuận cho Đại Thiên Lộc...
- Niêm yết thành công 38,8 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần DTL trên Sở giao dịch chứng khoán Tp. HCM.
- Phát hành 9.697.470 cổ phiếu để chi trả cổ tức 25% cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ lên 484.974.700.000 đồng.

4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về kế toán (đính kèm)

5. BÀN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

5.1 Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C), đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty CP Đại Thiên Lộc các năm 2007, 2008, 2009 và 2010
- Ý kiến kiểm toán độc lập: (đính kèm)
- Các nhận xét đặc biệt (thư quản lý): Không có

5.2 Kiểm toán nội bộ: Không có

6. CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN QUAN

Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc

STT	Tên công ty	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đại Thiên Lộc (Thành lập ngày 22/12/2008)	Ô 2, Lô A, đường 22, KCN Sóng Thần 2, Dĩ An, Bình Dương Điện thoại: 0650. 3732981 Fax: 0650. 3732 980
2	Công ty TNHH Một thành viên Thép Đại Thiên Lộc (Thành lập ngày 22/12/2008)	Ô 13D, Lô CN 8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, P. Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương Điện thoại : 0650. 3631991 Fax : 650. 3631992
3	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí và Xây dựng Đại Thiên Lộc (Thành lập ngày 22/12/2008)	Ô 13C, Lô CN 8, đường CN5, KCN Sóng Thần 3, P. Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương Điện thoại : 650. 3631991 Fax : 650. 3631992

Kết quả hoạt động các công ty con**- Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đại Thiên Lộc**

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010	% tăng, giảm
Doanh thu thuần	627.559.007.607	975.745.416.687	55%
Lợi nhuận sau thuế	114.384.294.200	5.487.618.606	-95%
Lợi nhuận phân bổ cho Cty CP ĐTL	127.817.926.733		

- Công ty TNHH Một thành viên Thép Đại Thiên Lộc

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
Doanh thu thuần	0	0
Lợi nhuận sau thuế	0	-369.483.594
Lợi nhuận phân bổ cho Cty CP ĐTL	0	0

- Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí và Xây dựng Đại Thiên Lộc

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010
Doanh thu thuần	0	0
Lợi nhuận sau thuế	0	0
Lợi nhuận phân bổ cho Cty CP ĐTL	0	0

7. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ**7.1 Cơ cấu tổ chức của công ty****a) Sơ đồ 1: Cơ cấu tổ chức của công ty**



- Xây dựng, ban hành chính sách nhân sự, quy chế về sử dụng và quản lý lao động, nội quy lao động, hệ thống thang bảng lương, quy chế khen thưởng, kỷ luật ...
- Xây dựng, ban hành quy chế về an toàn lao động, bảo hộ lao động, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ...;
- Thực hiện công tác định mức lao động, chấm công, tính lương, giải quyết các chế độ lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn, các chế độ lao động khác cho nhân viên;
- Tuyển dụng nhân viên, đào tạo, bố trí, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật;
- Xây dựng, ban hành quy chế về việc sử dụng, quản lý con dấu...;
- Thực hiện công tác văn thư lưu trữ, lễ tân, tổ chức hội họp...;
- Mua sắm, cấp phát, quản lý sử dụng thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm....

- Nghiên cứu, xây dựng văn hóa doanh nghiệp;
- Xây dựng, phát triển và bảo vệ thương hiệu;
- Hoạt động đối ngoại, xây dựng mối quan hệ đại chúng (trong và ngoài nước), tiến hành các hoạt động PR, IR;

- Gồm đội xe lo việc vận chuyển người và hàng hóa của Công ty;
- Thực hiện bốc dỡ, giao nhận hàng hóa...;
- Khai thác vận tải, tổ chức chở thuê hàng hóa...

- Chuyên thu mua các loại vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất và các nhu cầu khác trong Công ty;

Báo cáo thường niên 2011

Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc

- Chuyên lo vấn đề an ninh trật tự, bảo đảm an toàn tài sản, thực hiện phòng chống cháy nổ tại Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Khối Xuất Nhập khẩu gồm Phòng Nhập khẩu và Phòng Xuất khẩu

- Tìm hiểu thông tin thị trường thép thế giới, nhận định về diễn biến giá cả, nắm vững biểu thuế xuất nhập khẩu của Việt Nam và các nước khác, thông báo chính xác và kịp thời cho Tổng Giám đốc để đưa ra định hướng kinh doanh phù hợp trong từng thời kỳ nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty;
- Nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Xuất khẩu các sản phẩm, hàng hóa của Công ty sang các nước;
- Thực hiện các thủ tục Hải quan, bộ chứng từ XNK, giao nhận hàng hóa tại các cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu đường bộ, v.v...

Khối Sản xuất - Kỹ thuật gồm các Nhà máy Sản xuất, Phòng Kiểm tra Chất lượng Sản phẩm, Phòng Kế hoạch - Thống kê - Điều độ Sản xuất và Phòng Cơ điện

- Nghiên cứu, tiếp cận, ứng dụng công nghệ tiên tiến để cải tiến sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh;
- Thiết kế, chế tạo các loại máy móc thiết bị phục vụ sản xuất; theo dõi, quản lý sử dụng dây chuyền thiết bị và thiết bị kiểm tra, đo lường;
- Thi công lắp dựng nhà xưởng, nhà kho, máy móc thiết bị, v.v...;
- Quản lý toàn bộ hệ thống điện – tự động hoá;
- Kiểm tra chất lượng sản phẩm và giải quyết các khiếu nại về chất lượng (nếu có);
- Huấn luyện, đào tạo bồi dưỡng nâng cao tay nghề công nhân kỹ thuật;
- Lập kế hoạch sản xuất, điều hành và quản lý sản xuất bảo đảm đúng tiến độ giao hàng, đạt chất lượng sản phẩm, v.v...

Khối Kinh doanh gồm Phòng Kinh doanh, Phòng Tiếp thị, Phòng Kế hoạch Tổng hợp - Giao nhận - Gia công

- Xây dựng chiến lược kinh doanh, marketing, phát triển hệ thống bán hàng;
- Phối hợp với Phòng Sản xuất để lập kế hoạch sản xuất, gia công, theo dõi tiến độ, tổ chức giao nhận hàng sản xuất, gia công và thực hiện các biện pháp quản lý chất lượng sản phẩm, giải quyết các khiếu nại về chất lượng (nếu có);
- Thực hiện dịch vụ bán hàng, hậu mãi; chăm sóc khách hàng và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến dịch vụ bán hàng, hậu mãi ...

Khối tài vụ gồm Phòng Kế toán, Phòng Thống kê, Ban Kiểm toán nội bộ

- Lập kế hoạch tài chính – đầu tư và tín dụng ngắn hạn, trung và dài hạn; Xây dựng các quy chế lưu trữ chứng từ, luân chuyển chứng từ nội bộ, thanh toán nội bộ, v.v...;
- Thực hiện công tác quản lý tài sản và sử dụng vốn;
- Phối hợp với Phòng Sản xuất để tính chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm;
- Phối hợp với phòng Hành chính – Nhân sự tính tiền lương, thanh toán bảo hiểm xã hội, y tế, tai nạn và các chế độ khác cho nhân viên;
- Lập báo cáo thuế, quyết toán thuế, báo cáo tài chính và các loại báo cáo khác theo quy định của Nhà nước và theo yêu cầu của Công ty;
- Lập báo cáo thống kê theo quy định của Nhà nước và yêu cầu của Công ty;
- Thực hiện công tác kiểm toán nội bộ để bảo đảm tính chính xác và trung thực về số liệu nhằm hạn chế tối đa những sai sót có thể xảy ra.

Ban dự án đầu tư gồm BP Kỹ thuật, BP Cơ khí Lắp dựng, BP Xây dựng cơ bản

- Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ tiên tiến sản xuất thép lá cán nguội, thép lá mạ kẽm, mạ hợp kim nhôm kẽm, mạ màu, ống thép, xà gồ thép v.v...;

- Phân tích, đánh giá và tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc lựa chọn nhà cung cấp dây chuyền thiết bị;
- Thiết kế, tự chế tạo và đặt gia công chế tạo trong nước một số thiết bị cơ khí nhằm giảm chi phí đầu tư và thuận lợi cho công tác bảo trì, sửa chữa về sau;
- Dưới sự hướng dẫn và giám sát của chuyên gia nước ngoài và trong nước, thực hiện lắp ráp, hiệu chỉnh, thử nguội, thử nóng, kiểm tra hiệu suất các dây chuyền thiết bị...;
- Phân tích, đánh giá và tham mưu Ban Tổng Giám đốc lựa chọn đơn vị tư vấn, thiết kế, giám sát xây dựng các hạng mục công trình xây dựng;
- Lắp dựng nhà xưởng và các hạng mục công trình khung thép tiền chế vốn là thế mạnh của Công ty.

7.2 Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

a) Tình hình nhân sự

- Đến 31/12/2010, tổng số lao động trong công ty là **461 người**, trình độ Đại học, cao đẳng : 67 người ; trung cấp công nhân kỹ thuật : 252 người ; lao động phổ thông : 142 người.
- Thu nhập bình quân **4,05 triệu/người/tháng**.

b) Chính sách đối với người lao động

Đối với công ty, nguồn nhân lực là tài sản quý giá, là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững. Với quan điểm đó, công ty xây dựng chế độ đãi ngộ xứng đáng để thu hút người tài tham gia đóng góp vào sự phát triển của công ty ; đánh giá năng lực của từng cán bộ nhân viên, bố trí công việc hợp lý ; thường xuyên tổ chức đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý và khả năng ứng dụng các công nghệ hiện đại ; tạo cơ hội cho CBCNV phát huy tài năng, tham gia vào quá trình phát triển và thụ hưởng thành quả phát triển...

- Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động như BHXH, BHYT, các chế độ khác theo quy định của Nhà nước.
- Bên cạnh đó, công ty còn có chế độ thưởng cho CBCNV vào các ngày lễ tết ; tặng quà cho CBCNV nữ vào ngày 8/3 ; tặng quà cho con em CBCNV nhân ngày lễ thiếu nhi ; tặng quà cho CBCNV là thương binh, gia đình liệt sỹ ; hỗ trợ CBCNV có hoàn cảnh khó khăn ; tổ chức tham quan nghỉ mát hàng năm để tái tạo sức lao động cho công nhân viên ...
- Công ty cũng đang lập kế hoạch xây nhà dành cho CBCNV để họ an tâm công tác và gắn bó lâu dài với công ty.
- Ngoài ra, công ty thường xuyên phát động phong trào thi đua lao động sản xuất, tổ chức các hoạt động văn thể mỹ tạo không khí sôi nổi, tạo động lực cho công nhân viên hăng say làm việc, hoàn thành tốt chỉ tiêu kế hoạch.

c) Về công tác đào tạo

Công tác đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ được công ty đặc biệt chú trọng. Trong năm 2010, công ty cử đội ngũ kinh doanh, kế toán tham dự các khóa học “Chăm sóc khách hàng”, “Kiểm toán nội bộ” và các chương trình đào tạo khác

7.3 Những thông tin liên quan về tổ chức và nhân sự chủ chốt

a) Danh sách Ban điều hành của Công ty

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc
2	Đoàn Thị Mỹ Hồng	Phó Tổng Giám đốc
3	Lâm Thị Kim Phương	Phó Tổng Giám đốc
4	Vũ Thành Nam	Kế toán trưởng

b) Tóm tắt lý lịch cá nhân của Ban điều hành**- Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Nguyễn Thanh Nghĩa
Số chứng minh nhân dân	022749812
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	27/11/1963
Nơi sinh	Phù Cát, Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phù Cát, Bình Định
Địa chỉ thường trú	23/28 đường D2, CX Văn Thánh Bắc, P.25, Bình Thạnh, Tp.HCM
Số điện thoại liên lạc	0903723725
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Đại học
Quá trình công tác	
Từ 1987 - tháng 03/1992	Công tác tại Công ty Tài chính Tín dụng Seaprodex
Từ 1992 – 1993	Nhân viên Công ty XNK Thủy sản Tp. HCM
Từ 1993 – 2001	Phó Phòng, Trưởng phòng Nhập khẩu Công ty XNK Thủy sản Tp.HCM
Từ 2001 – tháng 05/2007	Chủ tịch HĐQT Giám đốc Công ty TNHH Đại Thiên Lộc
Từ tháng 06/2007 – nay	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	15.899.807 cổ phần, chiếm 32,78 % vốn điều lệ
Số cổ phần của những người có liên quan	
Vợ: Nguyễn Thị Bích Liên	7.181.775 cổ phần, chiếm 14,81 % vốn điều lệ
Con ruột: Nguyễn Thanh Loan	6.635.708 cổ phần, chiếm 13,68 % vốn điều lệ
Con ruột: Nguyễn Thanh Dung	2.918.811 cổ phần, chiếm 6,02 % vốn điều lệ
Anh ruột: Nguyễn Quang Quảng	6.250 cổ phần, chiếm 0,01 % vốn điều lệ
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

- Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	Đoàn Thị Mỹ Hồng
Số chứng minh nhân dân	271310327 cấp ngày 11/ 05/1994 tại Đồng Nai
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	07/12/1978
Nơi sinh	Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bình Định
Địa chỉ thường trú	K88, phường Xuân Bình, thị Xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai
Số điện thoại liên lạc	0982286030
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Trung Cấp Thống Kê_Kế Toán

Quá trình công tác	
Từ 2001 – tháng 04/2006	Nhân viên kế toán Công ty TNHH SX-TM Thép Thiên Lộc
Từ tháng 06/2006 - 04/2007	Nhân viên kế toán Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc
Từ tháng 05/2007 – nay	Phó TGD Công ty CP Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	84.875 cổ phần, chiếm 0,18 % vốn điều lệ
Số cổ phần của những người có liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

- Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	Lâm Thị Kim Phụng
Số chứng minh nhân dân	310926113
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	19/09/1974
Nơi sinh	Tiền Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Xã Xuân Đông, Huyện Chợ Gạo, Tỉnh Tiền Giang
Địa chỉ thường trú	115 ấp An Lạc Thượng, xã Xuân Đông, Chợ Gạo, Tiền Giang
Số điện thoại liên lạc	0982286035
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	
Từ 2001 – 2007	Nhân viên Kinh doanh tại Công ty TNHH Thép Thiên Lộc
Từ 2008 – nay	Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Đại Thiên Lộc
Từ tháng 10/2009 – nay	Phó TGD Công ty CP Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	12.500 cổ phần, chiếm 0,03 % vốn điều lệ
Số cổ phần của những người có liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

- Kế toán trưởng

Họ và tên	Vũ Thành Nam
Số chứng minh nhân dân	261318651
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	15/05/1975
Nơi sinh	Nam Định
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Yên Trung, Ý Yên, Nam Định
Địa chỉ thường trú	Nam Hà , Đông Hà, Đức Linh, Bình Thuận
Số điện thoại liên lạc	0982286051
Trình độ văn hóa	12/12

Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	Kế toán trưởng Công ty CP Hồng Dương, Kế toán trưởng CN Công ty XD&PTHT tại Nam Định;
Từ 2001 – 2004	Trợ lý GD Công ty TNHH Mỹ Nghệ Sài Gòn ARTS
Từ tháng 10/2004 – tháng 5/2006	Kế toán trưởng Công ty TNHH SX TM Thép Thiên Lộc
Từ tháng 7/2006 - tháng 11/2007	Kế toán trưởng Công ty CP Đại Thiên Lộc
Từ tháng 12/2007 – nay	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	Không
Số cổ phần của những người có liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

8. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

8.1 Thông tin liên quan đến Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Hội đồng Quản trị của Công ty CP Đại Thiên Lộc gồm 5 người, trong đó có 2 thành viên độc lập không điều hành là bà Nguyễn Thị Bích Liên và ông Lê Bá Phương. Cơ cấu Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2011 - 2015 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Lê Bá Phương	Thành viên HĐQT
4	Đoàn Thị Mỹ Hồng	Thành viên HĐQT
5	Lâm Thị Kim Phương	Thành viên HĐQT



Hiện tại, Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty và là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ảnh HĐQT nhiệm kỳ 2011 - 2015 (từ trái sang phải) Nguyễn Thanh Nghĩa, Nguyễn Thị Bích Liên, Lâm Thị Kim Phương, Đoàn Thị Mỹ Hồng, Lê Bá Phương

Ban Kiểm soát của Công ty CP Đại Thiên Lộc gồm 3 người. Cơ cấu Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2011 - 2015 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Đoàn Thị Bích Thủy	Trưởng ban
2	Võ Thị Mỹ Dung	Thành viên
3	Phan Quỳnh Diễm Châu	Thành viên



Ảnh Ban Kiểm soát
nhiệm kỳ 2011 - 2015
(từ trái sang phải)
Phan Quỳnh Diễm Châu,
Đoàn Thị Bích Thúy,
Võ Thị Mỹ Dung

a) Tóm tắt lý lịch cá nhân của thành viên HĐQT

1	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (xem lý lịch cá nhân Tổng Giám đốc)
2	Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng GĐ (xem lý lịch cá nhân Phó Tổng Giám đốc)
3	Bà Lâm Thị Kim Phương	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng GĐ (xem lý lịch cá nhân Phó Tổng Giám đốc)
4	Phó Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập không điều hành)	
	Họ và tên	Nguyễn Thị Bích Liên
	Số chứng minh nhân dân	020723726
	Giới tính	Nữ
	Ngày tháng năm sinh	08/06/1964
	Nơi sinh	Sài Gòn
	Quốc tịch	Việt Nam
	Dân tộc	Kinh
	Quê quán	Nam Định
	Địa chỉ thường trú	327/47 Sư Vạn Hạnh, P.9, Q.10, Tp.HCM
	Số điện thoại liên lạc	0903389175
	Trình độ văn hóa	12/12
	Trình độ chuyên môn	Kinh doanh
	Quá trình công tác	
	Từ 1984 – 1988	làm việc tại Phân Viện Khoa học Kỹ thuật thuộc UBKHKT (số 49 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.1, TP HCM)
	Từ 1989 – 1999	Nội trợ
	Từ 2000 – 2005	Giám đốc Công ty TNHH SX TM Thép Thiên Lộc
	Từ 2006 – tháng 4/2011	Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty CP Đại Thiên Lộc
	Từ tháng 4/2011 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Đại Thiên Lộc
	Hành vi vi phạm pháp luật	Không
	Số cổ phần sở hữu	7.181.775 cổ phần, chiếm 14,81 % vốn điều lệ
	Số cổ phần của những người có liên quan	
	Chồng: Nguyễn Thanh Nghĩa	15.899.807 cổ phần, chiếm 32,78 % vốn điều lệ
	Con ruột: Nguyễn Thanh Loan	6.635.708 cổ phần, chiếm 13,68 % vốn điều lệ
	Con ruột: Nguyễn Thanh Dung	2.918.811 cổ phần, chiếm 6,02 % vốn điều lệ

Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

5 Thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Họ và tên	Lê Bá Phương
Số chứng minh nhân dân	025177456 cấp ngày 04/08/2009 tại Bến Tre
Giới tính	Nam
Ngày tháng năm sinh	20/11/1964
Nơi sinh	Vĩnh Long - Vĩnh Linh -Quảng Trị
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Phong Bình, Hương Điền, Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú	90/5 Nguyễn Khoái, Phường 2, Quận 4, Tp.HCM
Số điện thoại liên lạc	0903925719
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Ngoại thương
Quá trình công tác	
Từ 1984 – 1987	Tham gia nghĩa vụ quân sự
Từ 1987 – 2004	NV và Phó phòng Kế hoạch – Kinh doanh Công ty Đông lạnh Thủy sản Xuất khẩu Bến Tre
Từ 2004 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK Thủy sản Bến Tre
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	125.000 cổ phần, chiếm 0,26 % vốn điều lệ
Số cổ phần của những người có liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

b) Tóm tắt lý lịch cá nhân của thành viên Ban Kiểm soát**1 Trưởng Ban Kiểm soát**

Họ và tên	Đoàn Thị Bích Thúy
Số chứng minh nhân dân	271688781
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	11/05/1985
Nơi sinh	Đồng Nai
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bình Định
Địa chỉ thường trú	Thọ Trung, Xuân Thọ, Xuân Lộc, Đồng Nai
Số điện thoại liên lạc	0933454197
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cao đẳng Kế toán
Quá trình công tác	
Từ 2005 – tháng 05/2007	công tác tại Công ty TNHH Thép Đại Thiên Lộc
Từ tháng 06/2007 – nay	công tác tại Công ty Cổ Phần Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	1.300 cổ phần, chiếm 0,003 % vốn điều lệ
Số cổ phần của những người có liên quan	Không

Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc

Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

2 Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Võ Thị Mỹ Dung
Số chứng minh nhân dân	211833676
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	18/07/1986
Nơi sinh	Bình Định
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Bình Định
Địa chỉ thường trú	Cát Tài, Phù Cát, Bình Định
Số điện thoại liên lạc	0902416226
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Trung cấp kế Toán
Quá trình công tác	
Từ 01-11-2007 – nay	Nhân viên kho thống kê Công ty CP Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	Không
Số cổ phần của những người có liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

3 Thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Phan Quỳnh Diễm Châu
Số chứng minh nhân dân	225326703
Giới tính	Nữ
Ngày tháng năm sinh	10/01/1988
Nơi sinh	Nha Trang
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Nha Trang, Khánh Hòa
Địa chỉ thường trú	116 Bạch Đằng, P. Tân Lập, Tp Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Số điện thoại liên lạc	0933454197
Trình độ văn hóa	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật học
Quá trình công tác	
Tháng 06/2010 đến nay	Nhân viên pháp lý Công ty CP Đại Thiên Lộc
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Số cổ phần sở hữu	30 cổ phần, chiếm 0,0001 % vốn điều lệ
Số cổ phần của những người có liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty	Không

c) Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí chi tiết cho từng thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát

Chủ tịch HĐQT	10.000.000 đồng/tháng
Thành viên HĐQT	5.000.000 đồng/tháng
Trưởng Ban Kiểm soát	2.000.000 đồng/tháng
Thành viên BKS	2.000.000 đồng/tháng

d) Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng

STT	Họ tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu	
			Đầu kỳ	Cuối kỳ
1	Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng GĐ	10.775.782	15.899.807
2	Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên HĐQT	5.745.420	7.181.775
3	Lê Bá Phương	Thành viên HĐQT	125.000	125.000
4	Đoàn Thị Mỹ Hồng	Th-viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	84.875	84.875
5	Lâm Thị Kim Phương	Th-viên HĐQT kiêm Phó TGĐ	12.500	1.250
6	Võ Thị Mỹ Dung	Thành viên BKS	0	0
7	Phan Quỳnh Diễm Châu	Thành viên BKS	0	30
8	Đoàn Thị Bích Thúy	Thành viên BKS	1.250	1.300
9	Vũ Thành Nam	Kế toán trưởng	32.181	0

* Ghi chú: Số đầu kỳ theo Danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 30/04/2010
Số cuối kỳ theo Danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 21/02/2011

8.2 Thông tin về hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

a) Hoạt động của HĐQT năm 2010

Thành viên và cơ cấu của HĐQT

- HĐQT nhiệm kỳ 2007- 2011 gồm 5 người: ông Nguyễn Thanh Nghĩa, Chủ tịch HĐQT ; Bà Nguyễn Thị Bích Liên ; Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng ; Ông Lê Bá Phương và Ông Lê Anh Thi
- Trong đó thành viên độc lập không điều hành gồm: Ông Lê Bá Phương và Ông Lê Anh Thi

Hoạt động của HĐQT

- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- Tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên 2010 vào ngày 29/04/2010
- Trong năm 2010, thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị đã triển khai một số công việc như sau:

Phân phối lợi nhuận

- Đã chi trả cổ tức năm 2009 cho cổ đông 5% bằng tiền và 25% bằng cổ phiếu
- Đã Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi, đầu tư phát triển, dự phòng PS thuế
- Đã chi trả thù lao năm 2010 cho HĐQT, BKS là 444 triệu đồng

Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc

- Đã chi trả tạm ứng cổ tức năm 2010 cho cổ đông bằng tiền, đợt 1 chi trả 10% với số tiền 48,496,470,000 đồng, đợt 2 chi trả 20% với số tiền 96,974,940,000 đồng

Về niêm yết, phát hành cổ phiếu, trái phiếu

- Ngày 04/06/2010, **niêm yết số lượng 38,8 triệu cổ phiếu** tại Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM
- Ngày 24/06/2010, **phát hành 9.697.470 cổ phiếu** để chi trả cổ tức (25%) cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ lên 484.974.700.000 đồng và đã niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu phát hành thêm
- Do các yếu tố khách quan, việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và CBCNV trong năm 2010 chưa được thực hiện.
Trong bối cảnh nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, kết quả SXKD không như mong đợi và công ty cũng không có nhu cầu tăng vốn. Hội đồng Quản trị quyết định không phát hành thêm cổ phiếu để tỷ lệ lợi nhuận/vốn đạt mức cao
Với lợi nhuận năm 2010 là 187,61 tỷ đồng, nếu không phát hành thêm cổ phiếu thì tỷ lệ lợi nhuận/vốn đạt 38,69 %. Nếu phát hành thêm cổ phiếu và nâng vốn điều lệ lên 540 tỷ đồng thì tỷ lệ lợi nhuận/vốn sẽ giảm xuống còn 34,74%.
- Ngày 30/07/2010, **phát hành thành công trái phiếu chuyển đổi (100 tỷ đồng)** để huy động thêm nguồn vốn thực hiện Dự án đầu tư tại KCN Sóng Thần 3

Công tác quan hệ nhà đầu tư

- Bên cạnh các hoạt động SXKD, công ty cũng thực hiện tốt chế độ báo cáo, công bố thông tin cho cơ quan chức năng và nhà đầu tư theo luật định .
- Các thông tin của công ty đều được công bố đầy đủ tại website của công ty và trên các phương tiện thông tin đại chúng ...
- Trong năm 2010, công ty đã đón tiếp nhiều nhà đầu tư là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đến công ty tìm hiểu và đặt vấn đề đầu tư
- Số lượng cổ đông của Đại Thiên Lộc theo danh sách chốt ngày 21/02/2011 là **916** cổ đông. Trong đó, cổ đông là cá nhân : 885 người (trong nước : 874, nước ngoài : 11) ; cổ đông là tổ chức : 31 tổ chức (trong nước : 27, nước ngoài 03)

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2010

- Thẩm định báo cáo tài chính và báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2010 hàng quý.
- Theo dõi kết quả thực hiện đối với những kiến nghị của Ban Kiểm soát năm 2010

c) Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty

- Triển khai chương trình cải tiến hệ thống quản trị Công ty theo kế hoạch chiến lược đã được HĐQT thông qua.

8.3 Các dữ liệu thống kê về cổ đông

a) Thông tin về cơ cấu cổ đông

Cổ đông	Số lượng CĐ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
Trong nước	902	48.127.900	99,24 %
Cá nhân	874	45.661.536	94,15 %
Tổ chức	11	1.412.067	2,91 %
Nhà đầu tư CK chuyên nghiệp là các Cty Chứng khoán	17	1.054.297	2.17 %
Nước ngoài	14	369.570	0,76 %
Cá nhân	11	20.660	0,04 %
Tổ chức	3	348.910	0,72 %
Tổng cộng	916	48.497.470	

* Thông tin về cơ cấu cổ đông theo Danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 21/02/2011

b) Thông tin về cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên)

STT	Họ tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thanh Nghĩa	23/28 đường D2, CX Văn Thánh Bắc, P.25, Bình Thạnh, Tp.HCM	15.899.807	32,78 %
2	Nguyễn Thị Bích Liên	327/47 Sư Vạn Hạnh, P.9, Q.10, Tp.HCM	7.181.775	14,81 %
3	Nguyễn Thanh Loan	23/28 đường D2, CX Văn Thánh Bắc, P.25, Bình Thạnh, Tp.HCM	6.635.708	13,68 %
4	Nguyễn Thanh Dung	327/47 Sư Vạn Hạnh, P.9, Q.10, Tp.HCM	2.918.811	6,02 %
Tổng cộng			32.636.101	67,29 %

* Thông tin về cổ đông lớn sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên theo Danh sách cổ đông đăng ký cuối cùng ngày 21/02/2011

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Công tác xã hội, từ thiện

Năm 2010, công ty đã đóng góp 1.073 triệu đồng cho các hoạt động xã hội, từ thiện như : ủng hộ kinh phí xây 07 căn nhà tình nghĩa: 245 triệu; cứu trợ đồng bào bị bão lũ: 55 triệu; tài trợ các chương trình “Hoa bốn mùa” Đài truyền hình Bình Dương: 300 triệu; Tài trợ chương trình “Mãi mãi niềm tin theo Đảng”: 50 triệu; Tài trợ chương trình “Thắp lên niềm hy vọng” vì nạn nhân chất độc da cam: 100 triệu; Tài trợ chương trình “Những trái tim đồng cảm”: 33 triệu; Tài trợ chương trình Lễ trao giải thưởng Sao vàng Đất Việt 2010: 50 triệu; Ủng hộ chương trình đi bộ vì trẻ em có hoàn cảnh khó khăn: 10 triệu; tài trợ Quỹ Khuyến học Hà Nội, 15 suất học bổng: 30 triệu; Ủng hộ Quỹ Tài năng trẻ Bình Dương: 100 triệu; **Thành lập Quỹ học bổng “Đại Thiên Lộc - Thắp sáng ước mơ sinh viên Bình Dương”**, do Hội sinh viên VN tỉnh Bình Dương và Cty CP Đại Thiên Lộc tổ chức, hàng năm tài trợ ít nhất là 100 triệu đồng.


Nguyễn Thanh Nghĩa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI THIÊN LỘC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc (được chuyển đổi từ Công ty TNHH thép Đại Thiên Lộc, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4602000250 ngày 11 tháng 7 năm 2001) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000334 ngày 12 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi sau:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 27 tháng 06 năm 2007 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 18 tháng 01 năm 2008; thay đổi lần thứ năm ngày 16 tháng 01 năm 2009; thay đổi lần thứ sáu ngày 11 tháng 8 năm 2009 và thay đổi lần thứ bảy ngày 27 tháng 10 năm 2009 về việc tăng vốn điều lệ, về việc tăng vốn điều lệ.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 06 tháng 03 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ và mở thêm chi nhánh hoạt động.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 01 tháng 12 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ, bổ sung ngành nghề kinh doanh và mở thêm chi nhánh hoạt động.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 17 tháng 3 năm 2010; thay đổi lần thứ chín ngày 14 tháng 7 năm 2010 về việc tăng vốn điều lệ và bổ sung ngành nghề kinh doanh đồng thời thay đổi số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	82.500.000.000	17,01
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	41.250.000.000	8,51
Các cổ đông khác	361.224.700.000	74,48
Cộng	484.974.700.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương
Điện thoại : (84 - 650) 3 732 981 - 3 732 982
Fax : (84 - 650) 3 732 980
E-mail : daithienloc@hcm.vnn.vn
Mã số thuế : 3 7 0 0 3 8 1 2 8 2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Đà Nẵng	507 Tôn Đức Thắng, phường Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Bà Rịa	19 Cách Mạng Tháng Tám, phường Long Hương, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc – Xi nghiệp cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc	Ô 13A, lô CN8, đường N5, khu công nghiệp Sóng Thần III, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Long Mỹ	69 Trần Hưng Đạo, thị trấn Long Mỹ, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang
- Chi nhánh Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc tại Vị Thanh	295 Trần Hưng Đạo B, phường 5, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, lô A, đường 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Số 3701295519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	100%
Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần III, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Số 3701295237 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	100%
Công ty TNHH một thành viên cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc	Ô 13C, lô CN3, đường N5, Khu công nghiệp Sóng Thần III, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	Số 3701294836 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp	100%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Trong năm, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã chia cổ tức bằng cổ phiếu là 96.974.700.000 VND để tăng vốn điều lệ từ 388.000.000.000 VND lên 484.974.700.000 VND.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 36).

Trong năm, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã phân phối lợi nhuận năm 2009 và năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 ngày 29 tháng 4 năm 2010 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị ngày 08 tháng 9 năm 2010 như sau:

	Số tiền (VND)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.355.316.195
Trích quỹ đầu tư phát triển	5.000.000.000
Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.355.669.837
Chia cổ tức	164.857.170.000
Cộng	174.568.156.032

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Chủ tịch	01 tháng 06 năm 2007	-
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Thành viên	01 tháng 06 năm 2007	-
Ông Lê Anh Thi	Thành viên	25 tháng 04 năm 2008	-
Ông Lê Bá Phương	Thành viên	25 tháng 04 năm 2008	-
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Thành viên	25 tháng 04 năm 2008	-

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tài Tuệ	Trưởng ban	13 tháng 06 năm 2009	29 tháng 04 năm 2010
Bà Lê Hồng Nhung	Thành viên	25 tháng 04 năm 2008	29 tháng 04 năm 2010
	Trưởng ban	29 tháng 04 năm 2010	
Bà Võ Thị Mỹ Dung	Thành viên	13 tháng 06 năm 2009	-
Ông Phan Minh Hiền	Thành viên	29 tháng 04 năm 2010	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Tổng Giám đốc	15 tháng 04 năm 2004	-
Bà Nguyễn Thị Bích Liên	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 04 năm 2004	-
Bà Đoàn Thị Mỹ Hồng	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 06 năm 2007	-
Bà Lâm Thị Kim Phượng	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2009	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,




Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 3 năm 2011



Số: 0366/2011/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2010
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc (công ty mẹ) và các công ty con (danh sách các Công ty con được trình tại thuyết minh 1.5 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 26 tháng 3 năm 2010, từ trang 07 đến trang 36 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0099/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2011

Mai Thị Kim Dung - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1163/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.590.843.803.713	1.340.776.135.240
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.989.444.891	16.935.620.813
1. Tiền	111		8.989.444.891	16.935.620.813
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	2.000.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		76.278.053.478	82.294.681.186
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	56.144.957.825	63.571.787.739
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	13.643.701.276	17.704.331.433
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	10.361.677.597	4.704.501.939
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(3.872.283.220)	(3.685.939.925)
IV. Hàng tồn kho	140		1.449.679.577.079	1.189.361.155.123
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.449.679.577.079	1.189.361.155.123
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		53.896.728.265	52.184.678.118
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	141.568.625	850.514.493
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		30.225.298.805	6.130.052.101
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	23.529.860.835	45.204.111.524

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

7

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		376.143.056.870	132.969.805.418
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		373.451.246.870	130.520.443.609
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	65.971.889.987	65.396.353.878
Nguyên giá	222		92.512.523.605	83.049.914.573
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.540.633.618)	(17.653.560.695)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	4.261.943.532	4.943.854.488
Nguyên giá	225		5.455.287.708	5.455.287.708
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.193.344.176)	(511.433.220)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	63.046.667.105	59.491.779.649
Nguyên giá	228		64.361.546.808	60.471.546.808
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.314.879.703)	(979.767.159)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	240.170.746.246	688.455.594
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.127.310.000	1.866.680.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	2.127.310.000	1.866.680.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		564.500.000	582.681.809
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	18.181.809
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	564.500.000	564.500.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.966.986.860.583	1.473.745.940.658

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

8

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.180.460.764.776	804.443.243.869
I. Nợ ngắn hạn	310		1.169.342.654.476	790.438.881.670
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	1.021.451.537.924	555.229.955.055
2. Phải trả người bán	312	V.17	89.098.961.337	180.513.236.514
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	12.000.042.998	4.638.195.635
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	36.245.849.144	44.607.562.630
5. Phải trả người lao động	315	V.20	1.015.607.724	629.783.695
6. Chi phí phải trả	316	V.21	3.423.658.215	1.754.954.560
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	5.172.437.581	2.896.202.051
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	934.559.553	168.991.530
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		11.118.110.300	14.004.362.199
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.24	10.786.237.200	13.672.489.099
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.13	331.873.100	331.873.100
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		786.526.095.807	669.302.696.789
I. Vốn chủ sở hữu	410		786.526.095.807	669.302.696.789
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.25	484.974.700.000	388.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.25	151.238.500.000	151.238.500.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.25	(130.000.000)	(130.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.25	297.816.683	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.25	7.858.510.594	2.858.510.594
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.25	1.903.869.837	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.25	140.382.698.693	127.335.686.195
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.966.986.860.583	1.473.745.940.658

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

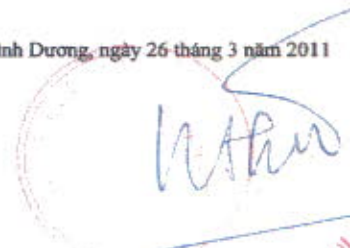
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.812.487.702	1.812.487.702
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		39.442,40	750.659,38
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2011


Vũ Thành Nam
Kế toán trưởng
Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

10

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.814.353.067.479	1.541.038.489.338
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	5.672.998.620	8.709.102.088
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.808.680.068.859	1.532.329.387.250
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.451.606.960.311	1.321.065.099.140
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		357.073.108.548	211.264.288.110
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	19.930.723.495	9.876.439.965
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	128.405.554.716	46.516.934.450
Trong đó: chi phí lãi vay	23		79.659.277.265	36.813.559.532
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	14.409.042.717	10.957.546.630
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	26.409.463.453	25.424.227.314
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		207.779.771.157	138.242.019.681
11. Thu nhập khác	31	VI.7	271.291.676	1.630.473.080
12. Chi phí khác	32	VI.8	530.013.219	5.062.624.480
13. Lợi nhuận khác	40		(258.721.543)	(3.432.151.400)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		207.521.049.614	134.809.868.281
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	19.905.881.084	12.803.390.838
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>187.615.168.530</u>	<u>122.006.477.443</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		187.615.168.530	122.006.477.443
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>3.869</u>	<u>3.190</u>

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2011

Vũ Thành Nam
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MA số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		207.521.049.614	134.809.868.281
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.10; V.11; V.12	9.904.096.423	6.849.378.412
- Các khoản dự phòng	03	V.6	186.343.295	(12.400.609.042)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3; VI.4	(9.626.439.785)	2.055.398.354
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(75.815.253)	(493.043.761)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	79.659.277.265	36.813.559.532
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		287.568.511.559	167.634.551.776
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		45.814.575.850	(63.405.115.176)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(312.166.828.326)	(691.798.249.938)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(169.975.694.228)	145.959.096.864
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		727.127.677	12.642.972.770
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.21; VI.4	(77.351.301.610)	(37.629.814.115)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(15.791.443.749)	(5.363.857.963)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.9; V.23	1.287.137.624.505	1.556.125.057.824
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.9; V.23	(1.265.422.518.844)	(1.536.962.872.917)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(219.459.947.166)	(452.798.230.875)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10; V.12; V.13	(200.986.493.314)	(19.391.677.808)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	809.523.810
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.14	(2.260.630.000)	(1.866.680.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	75.815.253	243.848.075
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(203.171.308.061)	(20.204.985.923)

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

12

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện DT An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

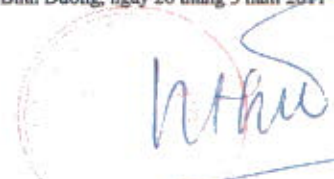
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	206.263.800.000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(274.300.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16; V.24	2.061.832.486.087	1.424.861.819.864
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16; V.24	(1.579.213.828.627)	(1.161.328.629.813)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	V.24	(1.876.800.000)	(2.949.600.001)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.25	(66.034.802.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		414.707.055.460	466.573.090.050
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(7.924.199.767)	(6.430.126.748)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	16.935.620.813	23.432.134.934
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(21.976.155)	(66.387.373)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	8.989.444.891	16.935.620.813

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2011


 Vũ Thành Nam
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Thanh Nghĩa
 Tổng Giám đốc

1.448-1
 G TY
 S M H U I
 T O A N V I
 V A N
 H O C H

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

13

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Năm 2010**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất thép lá mạ kẽm (tôn kẽm), mạ hợp kim nhôm kẽm (tôn lạnh), thép lá mạ màu; Mua bán sắt thép các loại; Sản xuất tôn lợp, cán xà gỗ; Sản xuất thép cán nóng, thép cán nguội, thép ống, dập cán sóng tôn, cán xà gỗ thép; Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Sản xuất thép xây dựng, thép hình.
4. **Tổng số các công ty con** : 03
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 01

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc	Ô 2, lô A, đường 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc	Ô 13D, lô CN8, đường CN5, Khu công nghiệp Sóng Thần III, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	100%	100%

6. Các công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lý do</i>
Công ty TNHH một thành viên cơ khí và xây dựng Đại Thiên Lộc	Ô 13C, lô CN3, đường N5, Khu Chứa góp vốn công nghiệp Sóng Thần III, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương	

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty có 330 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 397 nhân viên).

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

14

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm
Trong năm, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã chia cổ tức bằng cổ phiếu là 96.974.700.000 VND để tăng vốn điều lệ từ 388.000.000.000 VND lên 484.974.700.000 VND.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
2. **Cơ sở hợp nhất**
Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

15

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

16

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	14-20
Máy móc và thiết bị	05-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03-05

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính được công bố tại thuyết minh số IV.7.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

17

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 08 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

18

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Trái phiếu có thể chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

15. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

16. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm/kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm/kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Riêng trong giai đoạn đầu tư xây dựng để hình thành tài sản cố định trước khi chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (giai đoạn trước hoạt động), chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm/kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này được phân bổ dần vào thu nhập hoặc chi phí với thời gian không quá 5 năm kể từ khi công trình đưa vào hoạt động.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2009 :	17.941 VND/USD
	31/12/2010 :	18.932 VND/USD

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

20

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	615.673.067	1.391.218.350
Tiền gửi ngân hàng	8.373.771.824	15.544.402.463
Cộng	8.989.444.891	16.935.620.813

2. Đầu tư ngắn hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc	54.418.902.500	13.745.632.032
Tại Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc	1.726.055.325	49.826.155.707
Cộng	56.144.957.825	63.571.787.739

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước nguyên vật liệu	2.419.699.598	14.251.204.746
Trả trước máy móc thiết bị	10.543.653.034	-
Trả trước các dịch vụ khác	680.348.644	3.453.126.687
Cộng	13.643.701.276	17.704.331.433

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT đầu vào được hoàn	3.091.027.193	-
Thuế GTGT nhập khẩu chờ hoàn	-	1.252.517.882
Thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định thuế tài chính chờ khấu trừ	60.791.362	162.905.638
Tiền cho công nhân viên vay	652.232.250	1.524.750.000
Thuế nhập khẩu được hoàn	5.345.913.607	473.100.985
Phải thu khác	1.211.713.185	1.291.227.434
Cộng	10.361.677.597	4.704.501.939

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 01 năm	1.131.929.078	1.453.978.400
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.611.294.956	1.100.452.352
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	1.129.059.186	1.131.509.173
Cộng	3.872.283.220	3.685.939.925

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

21

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thận II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	3.685.939.925
Trích lập bổ sung	186.343.295
Số cuối năm	3.872.283.220

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	423.322.972.029	505.370.606.514
Công cụ, dụng cụ	5.706.926.134	2.771.621.289
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.077.501.031	54.027.247.937
Thành phẩm	267.195.861.475	117.202.799.631
Hàng hóa	751.376.316.410	509.988.879.752
Cộng	1.449.679.577.079	1.189.361.155.123

Một số nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa có giá trị ghi sổ là 532.464.789.217 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	31.118.626	217.076.350
Chi phí sửa chữa dàn mạ kẽm	110.449.999	633.438.143
Cộng	141.568.625	850.514.493

9. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	957.775.158	1.013.829.579
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	22.464.172.584	44.190.281.945
Tài sản thiếu chờ xử lý	107.913.093	-
Cộng	23.529.860.835	45.204.111.524

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	16.931.484.163	45.094.450.945	20.169.547.417	854.432.048	-	83.049.914.573
Mua trong năm	-	5.404.401.423	3.545.623.791	425.583.818	87.000.000	9.462.609.032
Số cuối năm	16.931.484.163	50.498.852.368	23.715.171.208	1.280.015.866	87.000.000	92.512.523.605
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	229.775.509	-	573.383.395	-	803.158.904
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	3.824.216.056	11.222.500.881	2.123.078.834	483.764.924	-	17.653.560.695
Khấu hao trong năm	1.206.397.017	4.902.449.090	2.639.366.743	133.060.073	5.800.000	8.887.072.923
Số cuối năm	5.030.613.073	16.124.949.971	4.762.445.577	616.824.997	5.800.000	26.540.633.618
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	13.107.268.107	33.871.950.064	18.046.468.583	370.667.124	-	65.396.353.878
Số cuối kỳ	11.900.871.090	34.373.902.397	18.952.725.631	663.190.869	81.200.000	65.971.889.987
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

22

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 164.919.375.549 VND và 21.783.967.141 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	5.455.287.708	511.433.220	4.943.854.488
Tăng trong năm	-	681.910.956	
Số cuối năm	<u>5.455.287.708</u>	<u>1.193.344.176</u>	<u>4.261.943.532</u>

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	60.380.247.808	91.299.000	60.471.546.808
Mua trong năm	3.890.000.000	-	3.890.000.000
Số cuối năm	<u>64.270.247.808</u>	<u>91.299.000</u>	<u>64.361.546.808</u>

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	968.354.785	11.412.374	979.767.159
Tăng trong năm	323.700.172	11.412.372	335.112.544
Số cuối năm	<u>1.292.054.957</u>	<u>22.824.746</u>	<u>1.314.879.703</u>

Giá trị còn lại

Số đầu năm	59.411.893.023	79.886.626	59.491.779.649
Số cuối năm	<u>62.978.192.851</u>	<u>68.474.254</u>	<u>63.046.667.105</u>

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	12.290.600.700	-	12.290.600.700
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Chi tiết các quyền sử dụng đất:

- Quyền sử dụng 6.327 m² đất tọa lạc tại lô A, đường số 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê đất số 098/HĐTLĐ/ST2, ngày 10 tháng 8 năm 2001.
 - Bên cho thuê : Công ty cổ phần Đại Nam.
 - Thời hạn thuê : 41 năm 6 tháng, bắt đầu từ ngày 11 tháng 7 năm 2004 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2045.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

23

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng Công Thương Việt Nam – Chi nhánh khu công nghiệp Bình Dương.

- Nguyên giá theo sổ sách	2.840.127.030 VND
- Giá trị còn lại theo sổ sách	2.414.644.334 VND

- Quyền sử dụng 105.285 m² đất tọa lạc tại lô CN8, khu công nghiệp Sóng Thần III, phường Phú Tân, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo hợp đồng thuê đất số 34/HĐTD/ST3, ngày 07 tháng 02 năm 2007. Quyền sử dụng đất này tạm thời chưa đưa vào sử dụng.

- Bên cho thuê	: Công ty cổ phần Đại Nam.
- Thời hạn thuê	: 40 năm 6,5 tháng, bắt đầu từ ngày 07 tháng 02 năm 2007 đến ngày 21 tháng 12 năm 2055.

Quyền sử dụng đất này đã được thế chấp để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp Bình Dương.

- Lô đất 5.000 m² tọa lạc tại ấp Chiếu Liều, xã Tân Đông Hiệp, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần nhà Hà Nội.

Lô đất 830 m² tọa lạc tại khu vực 4, phường 5, thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã được công chứng ngày 21 tháng 5 năm 2010. Quyền sử dụng đất này tạm thời chưa đưa vào sử dụng. Nguyên giá theo sổ sách là 2.490.000.000 VND.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chuyển từ chi phí sản xuất dở dang	Chi phí phát sinh trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	688.455.594	7.985.169.729	146.013.013.630	(318.213.389)	154.368.425.564
XDCB dở dang	-	44.587.371.995	41.620.870.652	(405.921.965)	85.802.320.682
Cộng	688.455.594	52.572.541.724	187.633.884.282	(724.135.354)	240.170.746.246

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam	119.147	2.127.310.000	93.084	1.866.680.000
Cộng		2.127.310.000		1.866.680.000

Khoản đầu tư vào cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam tăng do mua thêm 26.063 cổ phiếu với giá mua và chi phí là 260.630.000 VND.

15. Tài sản dài hạn khác

Khoản ký quỹ thuê tài sản cho Công ty TNHH cho thuê tài chính quốc tế Chailease.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

24

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng ⁽ⁱ⁾	916.304.434.725	540.907.545.358
- Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp Bình Dương	103.821.139.452	70.665.349.400
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	92.704.722.433	36.124.145.012
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp	192.351.903.126	307.899.245.085
- Ngân hàng thương mại cổ phần nhà Hà Nội	97.255.592.681	44.302.644.023
- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Bình Dương	238.460.832.313	81.916.161.838
- Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	42.093.877.000	-
- Ngân hàng Indovina bank	37.800.000.000	-
- Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội	111.816.367.720	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác ⁽ⁱⁱ⁾	1.875.700.000	9.602.976.197
Vay dài hạn đến hạn trả (thuyết minh V.25)	2.421.003.200	2.842.633.500
Nợ dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.25)	850.399.999	1.876.800.000
Trái phiếu ⁽ⁱⁱⁱ⁾	100.000.000.000	-
Cộng	1.021.451.537.924	555.229.955.055

(i) Khoản vay các Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động và mua nguyên liệu. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định, nguyên vật liệu và hàng hoá.

(ii) Khoản vay Ông Nguyễn Ứng Vũ để bổ sung vốn lưu động.

(iii) Trái phiếu chuyển đổi kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 6%/năm để bổ sung vốn lưu động và cơ cấu lại các khoản vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền kết chuyển	Chênh lệch tỷ giá	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	540.907.545.358	1.909.813.486.087	-	(17.869.961.490)	(1.516.546.635.230)	916.304.434.725
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	9.602.976.197	52.019.000.000	-	-	(59.746.276.197)	1.875.700.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.842.633.500	-	2.005.502.900	-	(2.427.133.200)	2.421.003.200
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	1.876.800.000	-	850.399.999	-	(1.876.800.000)	850.399.999
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	-	100.000.000.000	-	-	-	100.000.000.000
Cộng	555.229.955.055	2.061.832.486.087	2.855.902.899	(17.869.961.490)	(1.580.596.844.627)	1.021.451.537.924

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

25

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**17. Phải trả cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả nguyên vật liệu	87.839.601.637	179.576.942.345
Phải trả chi phí XDCB	1.259.359.700	-
Phải trả dịch vụ khác	-	936.294.169
Cộng	89.098.961.337	180.513.236.514

18. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc	11.016.641.530	4.217.057.121
Tại Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc	983.401.468	421.138.514
Cộng	12.000.042.998	4.638.195.635

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.328.666.094	5.444.185.920	(6.750.119.251)	22.732.763
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	119.394.894.824	(118.690.890.116)	704.004.708
Thuế xuất, nhập khẩu	22.268.116.375	64.224.364.709	(77.460.568.200)	9.031.912.884
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.983.575.618	19.905.881.084	(15.791.443.749)	25.098.012.953
Thuế tài nguyên	-	2.857.600	-	2.857.600
Thuế thu nhập cá nhân	27.204.543	1.475.538.349	(116.414.656)	1.386.328.236
Các loại thuế khác	-	14.000.000	(14.000.000)	-
Cộng	44.607.562.630	210.461.722.486	(218.823.435.972)	36.245.849.144

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với hoạt động thương mại, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc và Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc và Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo.
- Đối với hoạt động sản xuất, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc và Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế trong vòng 12 năm kể từ khi hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc và Công ty TNHH một thành viên tôn Đại Thiên Lộc được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.
- Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 46221000622 ngày 23 tháng 12 năm 2008 do Ban quản lý các khu công nghiệp Bình Dương cấp, Công ty TNHH một thành viên thép Đại Thiên Lộc nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh thu từ hoạt động kinh doanh với thuế suất thuế 15% trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

26

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	207.521.049.614	134.809.868.281
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Các khoản điều chỉnh tăng	15.141.618.169	7.276.725.584
- Các khoản điều chỉnh giảm	14.721.072.007	(14.052.685.485)
Tổng thu nhập chịu thuế	237.383.739.790	128.033.908.380
- Thuế nhập từ hoạt động sản xuất (thuế suất 15%)	94.302.764.805	(9.447.881.988)
- Thuế nhập từ hoạt động thương mại (thuế suất 20%)	128.331.737.236	128.033.908.380
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	39.811.762.168	25.606.781.676
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	19.905.881.084	12.803.390.838
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	19.905.881.084	12.803.390.838

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

20. Phải trả người lao động

Lương tháng 12 và các khoản thưởng của người lao động chưa chi.

21. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	3.119.928.170	811.952.515
Chi phí bảo hiểm hàng hóa	103.730.045	779.365.681
Chi phí khác	200.000.000	163.636.364
Cộng	3.423.658.215	1.754.954.560

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	312.485.400	-
Kinh phí công đoàn	103.482.724	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	335.252.843	97.217.537
Phải trả lâu năm không ai đòi	1.808.308.866	1.808.308.866
Cổ tức phải trả	1.847.668.000	-
Ông Nguyễn Thanh Nghĩa – tiền mượn	-	399.937.120
Các khoản phải trả, phải nộp khác	765.239.748	590.738.528
Cộng	5.172.437.581	2.896.202.051

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

27

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Số đầu năm	168.991.530
Trích lập các quỹ trong năm	2.355.316.195
Chi quỹ trong năm	(1.672.080.741)
Tăng khác	82.332.569
Số cuối năm	934.559.553

24. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	10.786.237.200	12.822.089.100
- Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp ⁽ⁱ⁾	1.093.339.200	2.133.323.400
- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	9.692.898.000	10.688.765.700
Nợ dài hạn	-	850.399.999
Cộng	10.786.237.200	13.672.489.099

(i) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp để thanh toán tiền đầu tư phương tiện vận tải. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

(ii) Khoản vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh khu công nghiệp Sóng Thần để đầu tư phương tiện vận tải, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty.

(iii) Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính Chailease để thuê máy móc thiết bị và phương tiện vận tải.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

Từ 01 năm trở xuống	3.271.375.399
Trên 01 năm đến 05 năm	10.786.237.200
Trên 05 năm	-
Tổng nợ	14.057.612.599

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn:

	Số đầu năm	Tăng khác	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	12.822.089.100	878.907.500	(2.420.975.400)	(493.784.000)	10.786.237.200
Nợ dài hạn	850.399.999	-	(850.399.999)	-	-
Cộng	13.672.489.099	878.907.500	(3.271.375.399)	(493.784.000)	10.786.237.200

25. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở phụ lục đính kèm trang 37.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

28

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

Trả cổ tức năm trước (5% mệnh giá)	17.517.422.000
Tạm ứng cổ tức (10% mệnh giá)	48.517.380.000
Cộng	66.034.802.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.497.470	38.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	48.497.470	38.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	48.497.470	38.800.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	10.000	10.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000	10.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48.487.470	38.790.000
- Cổ phiếu phổ thông	48.487.470	38.790.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm trong giai đoạn xây dựng để hình thành Công ty.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu,
- Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được dùng cho khoản dự phòng biến động nghĩa vụ phải nộp cho Cơ quan thuế.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	1.814.353.067.479	1.541.038.489.338
- Doanh thu bán hàng hoá	1.012.388.992.927	880.120.057.970
- Doanh thu bán thành phẩm	796.974.347.543	658.850.479.973
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	64.037.487	100.793.438
- Doanh thu bán phế liệu	4.925.689.522	1.967.157.957
Các khoản giảm trừ doanh thu	(5.672.998.620)	(8.709.102.088)
- Hàng bán trả lại	(5.147.075.915)	(8.238.408.328)
- Giảm giá hàng bán	(525.922.705)	(470.693.760)
Doanh thu thuần	1.808.680.068.859	1.532.329.387.250
Trong đó		
- Doanh thu thuần bán hàng hoá	1.012.388.992.927	876.584.870.682
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	791.301.348.923	653.676.565.173
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	64.037.487	100.793.438
- Doanh thu thuần bán phế liệu	4.925.689.522	1.967.157.957

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

29

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hoá	860.022.688.336	623.153.102.532
Giá vốn thành phẩm	586.782.318.256	606.357.104.782
Giá vốn nguyên vật liệu	-	104.569.278.780
Giá vốn phế liệu	4.801.953.719	1.940.652.840
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(14.955.039.794)
Cộng	1.451.606.960.311	1.321.065.099.140

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	202.181.970	199.614.233
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	110.045.141
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.026.286.487	5.100.083.761
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.626.439.785	4.332.893.896
Lãi tiền cho vay	75.815.253	133.802.934
Cộng	19.930.723.495	9.876.439.965

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	79.659.277.265	36.813.559.532
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	6.388.292.250
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	48.147.133.191	3.315.082.668
Lãi mua hàng trả chậm	599.144.260	-
Cộng	128.405.554.716	46.516.934.450

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.214.803.320	2.044.359.984
Chi phí công cụ, dụng cụ	362.215.954	541.309.013
Chi phí khấu hao	31.444.542	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	636.200.588	3.430.373.836
Chi phí khác	10.164.378.313	4.941.503.797
Cộng	14.409.042.717	10.957.546.630

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	10.048.513.834	6.291.191.932
Chi phí công cụ, dụng cụ	554.330.063	255.897.248
Chi phí khấu hao tài sản cố định	836.428.669	793.182.411
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.964.275.545	5.418.494.145
Chi phí khác	7.005.915.342	12.665.461.578
Cộng	26.409.463.453	25.424.227.314

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

30

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Xử lý công nợ phải trả của các năm trước.	9.407.474	319.633.510
Thu do khách hàng vi phạm hợp đồng	3.000.000	230.732.857
Thu thanh lý tài sản cố định	-	809.523.810
Hàng khuyến mãi dùng thử	219.127.297	173.758.775
Thu nhập khác	39.756.905	96.824.128
Cộng	271.291.676	1.630.473.080

8. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt truy thu thuế	518.304.621	4.476.254.463
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	560.328.124
Chi phí khác	11.708.598	26.041.893
Cộng	530.013.219	5.062.624.480

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	187.615.168.530	122.006.477.443
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	187.615.168.530	122.006.477.443
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	48.497.470	38.251.697
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.869	3.190

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	38.800.000	25.300.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	(11.278)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm trước	-	3.265.505
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm nay	9.697.470	9.697.470
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	48.497.470	38.251.697

Năm 2010, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này. Việc điều chỉnh hồi tố này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 4.297 VND xuống còn 3.190 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	802.045.550.373	623.942.928.295
Chi phí nhân công	17.676.539.604	10.559.667.215
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.783.301.393	6.849.378.412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.097.736.341	13.531.220.127
Chi phí khác	19.732.386.487	20.058.912.482
Cộng	860.335.514.198	369.897.907.665

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã chia cổ tức bằng cổ phiếu với số tiền là 96.974.700.000 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hội đồng quản trị		
Mượn tiền	712.109.000	3.365.943.479
Cho mượn tiền	-	6.210.141.750
Các cá nhân có liên quan		
Vay tiền	29.919.000.000	28.329.621.159
Mua trái phiếu chuyển đổi	20.000.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị	-	399.937.120
Các cá nhân có liên quan	20.000.000.000	9.602.976.197
Cộng nợ phải trả	20.000.000.000	10.002.913.317

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	998.826.085	793.755.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	29.662.800	8.044.800
Cộng	984.266.485	801.799.800

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

32

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Bên liên quan với Tập đoàn là Công ty TNHH sản xuất thương mại thép Thiên Lộc

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với Công ty TNHH sản xuất thương mại thép Thiên Lộc như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH sản xuất thương mại thép Thiên Lộc		
Thu hộ tiền hàng	30.000.000	809.127.584
Bán nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa	-	92.637.859.333
Mua nguyên vật liệu và hàng hóa	-	59.985.334.398
Thuê kho	2.774.349.009	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty TNHH sản xuất thương mại thép Thiên Lộc còn nợ tiền mua nguyên liệu và thành phẩm 521.198.253 VND (số đầu năm là 521.198.253 VND).

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: mua bán sắt, thép, các loại.
- Lĩnh vực sản xuất: sản xuất và gia công sắt, thép các loại.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	1.012.388.992.927	796.974.347.543	4.989.727.009	(5.672.998.620)	1.808.680.068.859
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.012.388.992.927	796.974.347.543	4.989.727.009	(5.672.998.620)	1.808.680.068.859
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	194.368.238.575	153.010.849.785	957.976.091	(5.672.998.620)	342.664.065.831
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(26.409.463.453)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	316.254.602.378
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	19.930.723.495
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(128.405.554.716)
Thu nhập khác	-	-	-	-	271.291.676
Chi phí khác	-	-	-	-	(530.013.219)

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

33

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(19.905.881.084)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	187.615.168.530
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	(203.247.123.314)
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-	(11.321.176.360)
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-	-
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	880.120.057.970	658.850.479.973	2.067.951.395	(8.709.102.088)	1.532.329.387.250
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	880.120.057.970	658.850.479.973	2.067.951.395	(8.709.102.088)	1.532.329.387.250
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	119.373.420.995	89.361.939.893	280.482.680	(8.709.102.088)	200.306.741.480
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(25.424.227.314)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	174.882.514.166
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	9.876.439.965
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(46.516.934.450)
Thu nhập khác	-	-	-	-	1.630.473.080
Chi phí khác	-	-	-	-	(5.062.624.480)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(12.803.390.838)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	122.006.477.443

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

34

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	-	-	-	-	(19.391.677.808)
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	-	-	-	-	(21.392.934.092)
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>	-	-	-	-	-

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực sản xuất	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	751.376.316.410	698.303.260.669	-	-	1.449.679.577.079
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	517.307.283.504
Tổng tài sản					1.966.986.860.583
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	1.180.460.764.776
Tổng nợ phải trả					1.180.460.764.776
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	509.988.879.752	679.372.275.371	-	-	1.189.361.155.123
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	284.384.785.535
Tổng tài sản					1.473.745.940.658
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	804.443.243.869
Tổng nợ phải trả					804.443.243.869

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

35

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: Lô A, đường số 22, Khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và ngoài nước.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	1.374.301.206.726	1.285.445.947.545
Ngoài nước	440.051.860.753	255.592.541.793
Cộng	1.814.353.067.479	1.541.038.489.338

3. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, trong phạm vi có liên quan, Tập đoàn áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngoài ra, ngày 06 tháng 11 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Các yêu cầu của Thông tư này sẽ được áp dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi.

4. Thông tin khác

Trong năm, Công ty cổ phần Đại Thiên Lộc đã điều chỉnh số thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2007 đến năm 2009 theo Biên bản thanh tra thuế của Cục thuế tỉnh Bình Dương.

Ảnh hưởng của vấn đề này đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước		Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
	Mã số			
Bảng cân đối kế toán hợp nhất				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	41.008.675.053	3.598.887.577	44.607.562.630
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	130.934.573.772	(3.598.887.577)	127.335.686.195
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất				
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	3.235.398.504	9.567.992.334	12.803.390.838

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2010

Vũ Thành Nam
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

36

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI THIÊN LỘC

Địa chỉ: lô A, đường 22, khu công nghiệp Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Số dư đầu năm trước	253.000.000.000	80.134.000.000	(15.000.000)	-	2.858.510.594	1.903.869.837	(673.242.467)	337.208.137.964
Phát hành cổ phiếu trong năm	135.000.000.000	71.104.500.000	-	-	-	-	-	206.104.500.000
Mua lại cổ phiếu đã phát hành trong năm	-	-	(274.300.000)	-	-	-	-	(274.300.000)
Tái phát hành cổ phiếu đã mua lại	-	-	159.300.000	-	-	-	-	159.300.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	122.006.477.443	122.006.477.443
Hoàn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2007 đến năm 2008	-	-	-	-	-	-	8.186.781.665	8.186.781.665
Phân phối các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	249.000.000	(2.184.330.446)	(1.935.330.446)
Nộp truy thu thuế TNDN	-	-	-	-	-	(1.903.869.837)	-	(1.903.869.837)
Thủ lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(249.000.000)	-	(249.000.000)
Số dư cuối năm trước	388.000.000.000	151.238.500.000	(130.000.000)	-	2.858.510.594	-	127.335.686.195	669.302.696.789
Số dư đầu năm nay	388.000.000.000	151.238.500.000	(130.000.000)	-	2.858.510.594	-	127.335.686.195	669.302.696.789
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	96.974.700.000	-	-	-	-	-	(96.974.700.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	-	-	-	(67.882.470.000)	(67.882.470.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	187.615.168.530	187.615.168.530
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	5.000.000.000	2.355.669.837	(9.710.986.032)	(2.355.316.195)
Tăng khác	-	-	-	-	-	(451.800.000)	-	(451.800.000)
Chênh lệch tỷ giá giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-	297.816.683	-	-	-	297.816.683
Số dư cuối năm nay	484.974.700.000	151.238.500.000	(130.000.000)	297.816.683	7.858.510.594	1.903.869.837	140.382.698.693	786.526.095.807

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2011



Nguyễn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc